TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NAM** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2023/HNGĐ-ST
Ngày 23/5/2023
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Thế Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Văn Chấn;

- Ông Nguyễn Văn Thụ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngọ Thị Thanh Hà – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên toà: Ông Hoàng Văn Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2023 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Hoàng D, sinh năm 1975
Nơi ĐKHKTT: phố Th, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị D1, sinh năm 1979.
Nơi ĐKHKTT: phố Th, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
(Các đương sự đều xin vắng mặt).

NỘI D1 VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là anh Phạm Hoàng D trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị D1 kết hôn ngày 22/4/1997, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiên Hưng (nay là UBND thị trấn Đ), huyện Lục Nam. Sau khi cưới anh và chị D1 về ở với nhau ngay, anh và chị D1 sống hạnh phúc một thời gian dài, chưa có con chung.

Nguyên nhân mâu thuận cợ chồng là do từ năm 2022 anh và chị D1 phát sinh nhiều mâu thuẫn, hai vợ chồng cãi nhau thường xuyên, đến tháng 10/2022 thì vợ chồng sống ly thân. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị cho được ly hôn.

- Về con chung: Anh và chị D1 không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Để anh và chị D1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn, chị Nguyễn Thị D1 trình bày*: Chị công nhận điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn như anh D trình bày là đúng. Sau khi cưới, chị và anh D về ở với nhau ngay, thời gian đầu hai người sống hạnh phúc là đúng.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do chị và anh D lấy nhau đã lâu nhưng không có con chung, chị và anh D cãi nhau thường xuyên, đến năm 2021 thì chị và anh D sống ly thân, chị về nhà mẹ đẻ ở, chị thấy khoog còn tình cảm với anh D, anh D xin ly hôn chị cũng đồng ý.

Về con chung: Chị và anh D không có con chung, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản: Để chị và anh D thỏa thuận, chị không yêu cầu giải quyết về tài sản.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án và đều xin vắng mặt.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến*:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã được Tòa án cho thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của đương sự; nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; các Điều: 28. 35, 39, 147, khoản 1 Điều 228, 171 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 và 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về xử lý án phí, lệ phí; xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Phạm Hoàng D được ly hôn chị Nguyễn Thị D1.

- Về án phí: Anh Nguyễn Hoàng D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng anh D đã nộp tạm ứng án phí ngày 01/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Anh Nguyễn Hoàng D có đơn xin ly hôn với chị Nguyễn Thị D1 nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS) xác định quan hệ pháp luật là: Ly hôn.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[1.3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội D1:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Hoàng D và chị Nguyễn Thị D1 kết hôn ngày 22/4/1997, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiên Hưng (nay là UBND thị trấn Đ), huyện Lục Nam. Nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Là do anh D và chị D1 kết hôn đã lâu, nhưng không có con chung, hai vợ chồng cãi nhau thường xuyên, đến năm 2022 thì mâu thuẫn vợ chồng lại xảy ra, chị D1 đã về nhà mẹ đẻ ở, anh D và chị D1 sống ly thân từ đây, hai người không còn quan hệ vợ chồng nữa. Tòa án đã hòa giiar nhiều lần, nhưng chị D1 xin vắng mặt và có văn bản gửi Tòa án đồng ý ly hôn anh D. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, các bên không còn tình cảm với nhau, không có sự quan tâm chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cho anh Phạm Hoàng D được ly hôn chị Nguyễn Thị D1.

[2.2] Về con chung: Anh D và chị D1 không có, nên không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản: Do đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Phạm Hoàng D là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều: 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Phạm Hoàng D được ly hôn chị Nguyễn Thị D1.

2. Về án phí: Anh Phạm Hoàng D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Tiền án phí được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng anh D đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0014402 ngày 01 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam. Xác nhận anh D đã nộp đủ tiền án phí

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo qui định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang;
- UBND TT Đ, huyện Lục Nam;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Lưu HS+VT.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

D Thế Vinh